

**QUYẾT ĐỊNH**

**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

**V/v Công nhận thỏa thuận chia tài sản chung.**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:*** Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền

***Thư ký phiên họp:*** Ông Phan Văn Chung - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên họp:*** Ông Lê Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 229/2020/TLST-VHN ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thỏa thuận chia tài sản chung sau khi ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 75/2020/QĐST-HN ngày 27 tháng 10 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

**Chị Nguyễn Thị Ph**, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

**Anh Nguyễn Văn Bé H**, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khu phố A1, thị trấn MP1, huyện TP1, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

**Theo đơn yêu cầu đề ngày 04-10-2020, người yêu cầu là chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Văn Bé H đều thống nhất trình bày:**

Năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết ly hôn giữa chị Ph và anh Bé H theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 75/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018. Tòa án

chỉ giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, về tài sản chung chị Ph và anh Bé H tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Ph và anh Bé H tự thỏa thuận phân chia tài sản chung đề nghị Tòa án công nhận thỏa thuận của anh chị về việc phân chia tài sản chung như sau:

+Chia cho chị Nguyễn Thị Ph:

Phần đất có diện tích 471m<sup>2</sup> thửa số 577, tờ bản đồ C5 tại ấp MT, xã P, huyện TP1, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố A, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh Tiền Giang) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 342618 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25-02-2015 cho bà Nguyễn Thị Ph (Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Tân Phước chính lý ngày 20-12-2018 tặng cho bà Nguyễn Thị Ph theo hồ sơ số 002128 1A778)

Phần đất có diện tích 134,3m<sup>2</sup> thửa số 12, tờ bản đồ 01 tại ấp MT, xã P, huyện TP1, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố A, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh Tiền Giang) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 959845 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17-4-2017 cho bà Nguyễn Thị Ph (Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Tân Phước chính lý ngày 15-8-2017 từ thửa số 02 tờ bản đồ số 01 diện tích 297,0m<sup>2</sup> chuyển nhượng cho bà Phan Thị H1, diện tích 162,7 m<sup>2</sup> số thửa 13 theo hồ sơ số 001027CN249 cấp GCN số vào sổ CS00545. Diện tích còn lại 134,3m<sup>2</sup> số thửa 12).

+Chia cho anh Nguyễn Văn Bé H:

Chị Nguyễn Thị Ph giao cho anh Bé H số tiền 900.000.000đồng (½ giá trị tài sản chung). Chị Ph đã giao 600.000.000đồng, phần còn lại 300.000.000đồng sẽ giao một lần vào ngày 03-11-2020.

Tại phiên họp người yêu cầu vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ việc đúng thẩm quyền, xác định đúng yêu cầu, đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ việc đúng thời hạn quy định. Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của BLTTDS. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu ghi nhận thỏa thuận của chị Ph và anh Bé H về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết yêu cầu: Anh Nguyễn Văn Bé H và chị Nguyễn Thị Ph yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Chị Ph và anh Bé H có địa chỉ tại Khu phố A, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh Tiền Giang. Vì vậy việc dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xác định tài sản chung của chị Ph và anh Bé H trong thời kỳ hôn nhân là phần đất có diện tích 471m<sup>2</sup> thửa số 577, tờ bản đồ C5 và phần đất có diện tích 134,3m<sup>2</sup> thửa số 12, tờ bản đồ 01. Năm 2018, Tòa án giải quyết cho anh Bé H và chị Ph ly hôn nhưng chưa giải quyết phần tài sản chung của vợ chồng. Sau khi ly hôn giữa chị Ph và anh Bé H thỏa thuận việc phân chia tài sản chung đề nghị Tòa án ghi nhận. Việc tự thỏa thuận là tự nguyện không trái quy định của pháp luật. Khi ly hôn chị Ph và anh Bé H chưa chia tài sản chung mà giao cho chị Ph quản lý sử dụng, nay anh chị thống nhất phân chia tài sản chung.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên nên chấp nhận đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Văn Bé H.

[4] Về lệ phí: Căn cứ vào các Điều 143, 144, 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Văn Bé H phải chịu lệ phí sơ thẩm.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 29, Điều 35, Điều 39; Điều 143, Điều 144, Điều 149; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Ph và anh Bé H về việc chia tài sản chung vợ chồng như sau:

+ Chia cho chị Nguyễn Thị Ph:

Phần đất có diện tích 471m<sup>2</sup> thửa số 577, tờ bản đồ C5 tại ấp MT, xã P, huyện TP1, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố A, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh Tiền Giang) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 342618 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25-02-2015 cho bà Nguyễn Thị Ph (Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Tân Phước chính lý ngày 20-12-2018 tặng cho bà Nguyễn Thị Ph theo hồ sơ số 002128 1A778)

Phần đất có diện tích 134,3m<sup>2</sup> thửa số 12, tờ bản đồ 01 tại ấp MT, xã P, huyện TP1, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố A, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh Tiền Giang) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 959845 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17-4-2017 cho bà Nguyễn Thị Ph (Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Tân Phước chính lý ngày 15-8-2017 từ thửa số 02 tờ bản đồ số 01 diện tích 297,0m<sup>2</sup> chuyển nhượng cho bà Phan Thị H1, diện tích 162,7 m<sup>2</sup> số thửa 13 theo hồ sơ số 001027CN249 cấp GCN số vào sổ CS00545. Diện tích còn lại 134,3m<sup>2</sup> số thửa 12).

Chị Nguyễn Thị Ph được toàn quyền quản lý sử dụng đối với hai phần đất được chia và được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh Bé H không có quyền tranh chấp đối với hai phần đất đã chia cho chị Ph.

+ Chia cho anh Nguyễn Văn Bé H:

Chia cho anh Bé H ½ giá trị tài sản chung là 900.000.000đồng. Chị Nguyễn Thị Ph giao cho anh Nguyễn Văn Bé H số tiền 900.000.000đồng. Chị

Ph đã giao 600.000.000đồng, phần còn lại 300.000.000đồng sẽ giao một lần vào ngày 03-11-2020.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Văn Bé H phải chịu 300.000đồng lệ phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu lệ phí số 20641 ngày 06-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Anh Bé H và chị Ph đã nộp đủ lệ phí DSST.

3. Chị Ph, anh Bé H được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Người yêu cầu;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Thị Thu Thuyền**